

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TIẾNG VIỆT 4 TUẦN 8

I. ĐỌC

Đọc thầm văn bản sau:

GIÓ VƯỜN

Gió vườn không mãi chơi xa
Nhắc chị cửa sổ mở ra suốt ngày
Gió đi lắc lắc cành cây
Giục bác cổ thụ kể ngày xa xưa.
Tìm hoa làn gió nhẹ đưa
Hương thơm tặng bướm ong vừa bay qua,
Gió vẽ lên mái tranh nhà
Một làn khói bếp giúp bà nấu cơm,
Gió thức từ sớm tinh sương
Gió đem mưa đến tưới vườn cho ông,
Gió yêu nhất buổi rạng đông
Con chim dậy hót. Nắng hồng. Trời xanh.
Gió vườn chăm chỉ hiền lành
Làm bao việc nhỏ để thành lớn khôn.
Gió đi từ một góc vườn
Thổi ra trời rộng bốn phương bạn bè.

Lê Thị Mây

Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu:

1. Những việc làm nào cho thấy gió rất chăm chỉ?

- A. Gió chỉ ở góc vườn nghe chim hót, ngắm nắng hồng, trời xanh.
- B. Gió giúp bà nấu cơm, giúp ông tưới cây.
- C. Gió không mãi chơi; luôn nhắc chị cửa sổ mở cửa, giục bác cổ thụ kể chuyện, đưa hương thơm, dậy sớm đem mưa đến tưới cho vườn của ông.

2. Gió yêu nhất buổi nào trong ngày? Vì sao?

- A. Gió yêu nhất buổi sớm tinh sương vì khi đó được đem mưa tưới cho vườn ông.
- B. Gió yêu nhất buổi rạng đông vì buổi rạng đông có tiếng chim hót, có nắng hồng và bầu trời xanh.
- C. Gió yêu nhất buổi trưa vì khi đó được giúp bà nấu cơm.

3. Theo em, vì sao nói gió "Làm bao việc nhỏ để thành lớn khôn."?

- A. Khi gió chăm chỉ làm những việc nhỏ, gió sẽ mau chóng trưởng thành và lớn khôn.
- B. Gió còn nhỏ nên cần làm những việc nhỏ vừa sức mình.
- C. Gió cũng như một đứa trẻ, phải học hỏi dần để trưởng thành, chăm chỉ giúp đỡ ông bà bố mẹ để mau khôn lớn.

4. Hai dòng thơ cuối bài muốn nói lên điều gì?

.....

.....

.....

II. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

1. Ghi các số 1, 2, 3, 4 trước mỗi ô trống để hoàn thành phần hướng dẫn sử dụng từ điển theo thứ tự phù hợp:

	Tra từ cần tìm nghĩa
	Chọn từ điển thích hợp với học sinh tiểu học
	Đọc bảng chữ viết tắt
	Đọc <i>Hướng dẫn sử dụng</i>



2. Ghi các số 1, 2, 3, 4 trước mỗi ô trống để hoàn thành phần hướng dẫn tìm nghĩa của từ:

	Tìm mục chữ cái đầu của từ cần tìm nghĩa
	Đọc nghĩa của từ
	Tìm từ
	Đọc ví dụ để hiểu thêm ý nghĩa và cách dùng

3. Nối từng từ bên trái với nghĩa của từ đó ở bên phải:

- | | |
|----------|---|
| tự tin | • Coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình |
| tự kiêu | • Tự cho mình là yếu kém, không tin vào chính mình |
| tự ti | • Hãnh diện về những điều tốt đẹp của mình |
| tự trọng | • Luôn tin vào bản thân mình |
| tự hào | • Giận dữ khi cảm thấy mình bị đánh giá thấp. |
| tự ái | • Tự coi mình hơn người và tỏ ra coi thường người khác. |

4. Đọc đoạn văn sau, tìm và viết lại từ ngữ vào bảng theo yêu cầu:

Nhà tôi ở Hà Nội, cách Hồ Gươm không xa. Từ trên cao nhìn xuống, mặt hồ như một chiếc gương bầu dục khổng lồ, sáng long lanh. Cầu Thê Húc màu son, cong như con tôm. Mái đền lấp ló bên gốc đa già, rễ lá xum xuê. Xa một chút là Tháp Rùa tường rêu cổ kính. Tháp được xây trên gò đất giữa hồ, cỏ mọc xanh um.

Theo Ngô Quân Miện

Danh từ	Động từ	Dạng từ riêng
.....		
.....		
.....		
.....		

5. Gạch bỏ từ không phải là động từ trong mỗi dãy từ sau:

- a. cho, biểu, tặng, long lanh, mượn, lấy
- b. ngồi, nằm, đi, đứng, chạy, râm ran
- c. ngủ, thức, ôm ái, khóc, cười, hát
- d. hiểu, phấn khởi, lo lắng, sợ hãi

6. Trong các từ được gạch chân ở đoạn văn sau có từ là động từ, danh từ. Em hãy ghi DT dưới các danh từ, ghi ĐT dưới các động từ:

Nằm cuộn tròn trong chiếc chăn bông ấm áp, Lan ân hận quá. Em muốn xin lỗi mẹ và anh, nhưng lại xấu hổ vì mình đã vờ ngủ.

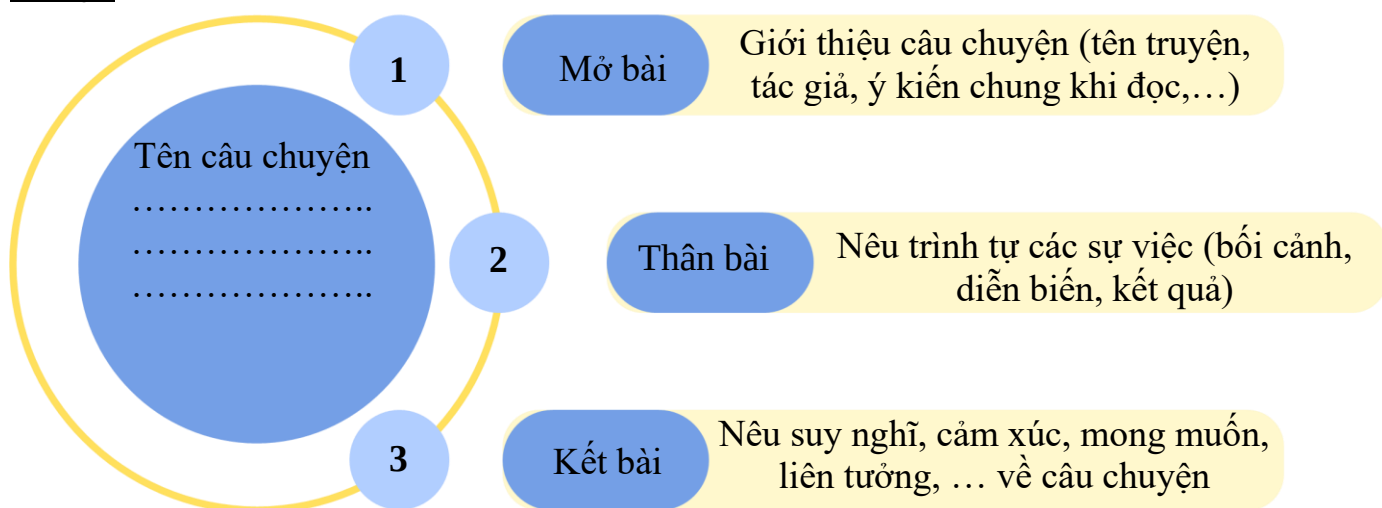
Áp mắt xuống gối, em mong trời mau sáng để nói với mẹ:

- “Con không thích chiếc áo ấy nữa. Mẹ hãy đề tiền mua áo ấm cho cả hai anh em”.

III. VIẾT

Đề bài: Kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

Dàn ý:



Bài viết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

“Phải luôn luôn học tập chừng nào còn một điều chưa biết”

(Lxenneska)